

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2018/HS-ST

Ngày: 09/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Hiền;

2. Bà Trần Thị Diệu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Trần Lê V, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1975 tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: Số 18 đường HTP, phường A Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H; có vợ: Hồ Thị Phương Th (đã ly hôn) và 02 con sinh năm 1995 và 2004; tiền án, tiền sự: Không.

*** Quá trình nhân thân:** Lúc nhỏ ở với bố mẹ, đi học đến lớp 09/12 thì nghỉ học, ở nhà.

- Ngày 27/08/2002, bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính 100.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 25/08/2004, bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính 500.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 15/07/2005, bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính 300.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 27/06/2006, bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính 500.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 26/01/2013, bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính 750.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2017 cho đến nay. Có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Anh Hoàng Thanh N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 5, khu vực 1, phường HL, thành phố H. Vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Â, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 91B TT, phường AT, thành phố H. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Mai Thế Th, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 04 CBQ, phường PH, thành phố H. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 15/263 BT, phường PH, thành phố H. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1946.

Địa chỉ: 18 HTP, phường A Đ, thành phố H. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Trần Thị Th H, sinh năm 1994. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thuý V, sinh năm 1972. Vắng mặt.

3. Ông Tống Phước Đ, sinh năm 1958. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Vụ thứ nhất:** Ngày 15/10/2016, V gọi điện thoại cho chị Trần Thị Â (sinh năm 1988; trú tại 91B đường TT, phường AT, thành phố H), hỏi thuê xe mô tô thì chị Â đồng ý. Chị Â giao cho V chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 75K6-8332 tH với giá 60.000đồng/ngày. Sau khi thuê xe, V sử dụng vào việc đi lại. Đến khoảng 17h00 phút cùng ngày, V nảy sinh ý Đ chiếm đoạt, nên đã đưa xe mô tô 75K6-8332 đến cầm cố cho bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1958; trú tại 15/263 đường Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố H) được 5.000.000đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi cầm cố chiếc xe mô tô 75K6-8332, do không có phương tiện đi lại, nên V tiếp tục gọi điện thoại cho chị Trần Thị Â hỏi thuê thêm một chiếc xe mô tô nữa để đi có việc riêng. Chị Â đồng ý, giao chiếc xe hiệu Atila Victoria biển số 75B1-001.44 cho V thuê. Sau khi thuê được xe, V sử dụng để đi lại. Đến khoảng 21h00 phút cùng ngày, V nảy sinh ý Đ chiếm đoạt, nên tiếp tục đưa xe mô tô 75B1-001.44 đến cầm cố cho bà Nguyễn Thị H được 5.000.000đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- Một (01) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 75K6-8332.

- Một (01) chiếc xe mô tô hiệu Atila Victoria màu trắng xám, biển số 75B1-001.44.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 167/KL-HĐĐG ngày 10/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 75K6-8332 có giá trị 11.000.000đồng (Mười một triệu đồng); chiếc xe mô tô hiệu Atila Victoria biển số 75B1-001.44 có giá trị 9.000.000đồng (Chín triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 75K6-8332 là của anh Tổng Phước Đ (sinh năm 1958; trú tại tổ 13, khu vực 5, phường VD, thành phố H) bán lại cho chị Â vào khoảng tháng 8/2016, nhưng chưa là thủ tục sang tên; chiếc xe mô tô hiệu Atila Victoria biển số 75B1-001.44 là của chị Nguyễn Thị Thúy V (sinh năm 1972; trú tại tổ 20/30/16 đường DT, phường AC, thành phố H) bán lại cho chị Â vào khoảng tháng 8/2013, nhưng chưa là thủ tục sang tên.

** Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:* Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại 02 chiếc xe mô tô nêu trên cho người bị hại. Chị Trần Thị Â đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu V phải bồi thường lại cho mình số tiền 10.000.000đồng, hiện V chưa bồi thường.

** Vụ thứ hai:* Ngày 09/04/2017, Nguyễn Trần Lê V đến gặp bạn của mình là anh Hoàng Thanh N (sinh ngày 10/11/1981; trú tại tổ 5, khu vực 1, phường HL, thành phố H) liên hệ thuê chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 75H1-418.44 của anh N để làm phương tiện đi lại. Anh N đồng ý cho thuê với giá tiền 100.000 đồng/ngày. Sau khi thuê xe, V sử dụng đến ngày 12/05/2017 thì nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô nói trên mang đi cầm cố, lấy tiền tiêu xài cá nhân. V đã đưa xe mô tô 75H1-418.44 đến cầm cố cho anh Mai Thế Th (sinh ngày 22/04/1978; trú tại 04 đường CBQ, phường PH, thành phố H) được 25.000.000 đồng tiêu. Số tiền này, V sử dụng tiêu xài hết.

** Vật chứng thu giữ:* Một (01) chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 75H1-418.44.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 349/KL-HĐĐG ngày 25/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định: Trị giá chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 75H1-418.44 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 75H1-418.44 là của chị Trần Thị Th H (sinh năm 1994; trú tại thị trấn PĐ, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế) bán cho anh Hoàng Thanh N vào ngày 27/03/2017, nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

** Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:* Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho người bị hại.

Anh Mai Thế Th yêu cầu V phải bồi thường cho mình số tiền 25.000.000 đồng. Ngày 10/12/2017, ông Nguyễn Văn H (là bố của V) đã tự nguyện bồi thường cho anh Mai Thế Th số tiền 25.000.000 đồng thay cho V.

Tại Bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 18/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Trần Lê V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Lê V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo V từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên buộc bị cáo V trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô hiệu Sirius biển số 75K6-8332 và xe Atila Victoria biển số 75B1-001.44 cho chị Trần Thị Â; trả lại xe Honda Airbade biển số 75H1-418.44 cho anh Hoàng Thanh N, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có ý kiến không yêu cầu bị cáo V trả lại số tiền ông đã bồi thường.

Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo V phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ thứ nhất: Ngày 15/10/2016, Nguyễn Trần Lê V thuê của chị Trần Thị Â xe mô tô hiệu Sirius biển số 75K6-8332 với giá thuê 60.000 đồng/ngày để đi lại. Khoảng 17 giờ cùng ngày, V đưa xe đến cầm cho bà Nguyễn Thị H được 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau đó V tiếp tục thuê của chị Trần Thị Â chiếc xe Atila Victoria biển số 75B1-001.44 để đi lại. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, V đưa xe đến cầm cho bà Nguyễn Thị H được 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Qua định giá, xe Sirius biển số 75K6-8332 có giá trị 11.000.000 đồng, xe Atila Victoria biển số 75B1-001.44 có giá trị 9.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 09/4/2017, Nguyễn Trần Lê V thuê của anh Hoàng Thanh N chiếc xe mô tô hiệu Honda Airbade biển số 75H1-418.44 giá thuê 100.000 đồng/ngày để đi lại. Sau khi thuê, đến ngày 12/5/2017 V đưa xe đến cầm cho anh Mai Thế Th được 25.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Qua định giá xe mô tô hiệu Honda Airbade biển số 75H1-418.44 có giá trị 27.000.000 đồng.

Với hành vi như trên, Nguyễn Trần Lê V đã thuê xe của người khác rồi cầm cố cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo V chiếm đoạt có giá trị 47.000.000 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Trần Lê V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Trần Lê V là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã có hành vi thuê xe rồi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo có quá trình nhân thân xấu, phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, nên cần xử phạt bị cáo với mức phạt thích đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mẹ của bị cáo là người có công với nước là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, chị Trần Thị Á và anh Hoàng Thanh N đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm; Anh Mai Thế Th đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000đồng và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000đồng bị cáo cầm xe. Xét thấy yêu cầu của bà H là có căn cứ nên chấp nhận, buộc bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000đồng.

Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo V trả lại số tiền ông đã bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô hiệu Sirius biển số 75K6-8332 và xe Atila Victoria biển số 75B1-001.44 cho chị Trần Thị Á; trả lại xe Honda Airbade biển số 75H1-418.44 cho anh Hoàng Thanh N, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trần Lê V phải chịu theo luật định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trần Lê V phải chịu: $10.000.000\text{đồng} \times 5\% = 500.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 280, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Lê V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Lê V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 10/11/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trần Lê V phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị H, nếu bị cáo Nguyễn Trần Lê V chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo Nguyễn Trần Lê V phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trần Lê V phải chịu 200.000đồng.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trần Lê V phải chịu 500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo Nguyễn Trần Lê V, ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 27 CA tỉnh TT Huế;
- Nhà tạm giữ CA TP H;
- VKSND TP H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu bản án.

(Đã ký)

Trần Dũng